

HƯ KHÔNG TẠNG VIỆN

Hư Không Tạng Viện này có vị trí thuộc lớp thứ hai ở phương Tây, ngay bên dưới Trì Minh Viện. Do Hư Không Tạng Bồ Tát là Chủ Tôn nên có tên gọi là Hư Không Tạng Viện.

Viện này đại biểu cho Bi Trí Hợp Nhất, hàm chứa vạn Đức, hay trao cho chúng sinh tất cả báu màu nhiệm kèm Trí Đức đầy đủ nhưng dùng Phước Đức làm gốc. Trong đó:

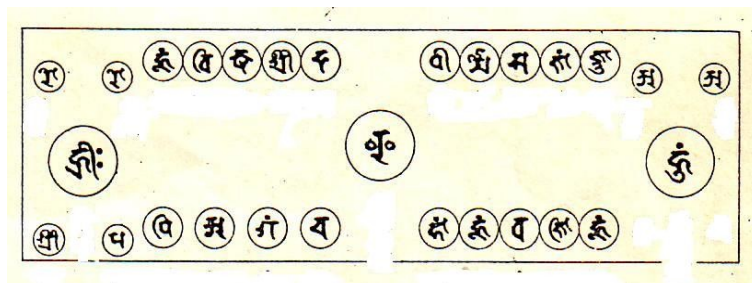
Hư Không Tạng Bồ Tát: Tay phải cầm cây kiếm biểu thị cho Trí Đức. Tay trái cầm hoa sen biểu thị cho Phước Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Phật Bộ

Thiên Thủ Quán Âm dùng Liên Hoa Bộ Quán Âm Viện làm Nhân Hạnh để sinh ra Quả Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Liên Hoa Bộ

Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát dùng Kim Cương Bộ Kim Cương Thủ Viện làm Nhân Hạnh để sinh ra Quả Đức. Tôn này và các quyến thuộc biểu thị cho Đức của Kim Cương Bộ

10 vị Ba La Mật Bồ Tát: 5 vị Bồ Tát **Đàn, Giới, Nhẫn, Tiến, Thiên** biểu thị cho Phước Môn. 5 vị Bồ Tát **Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí** biểu thị cho Trí Môn.

Viện này gồm có 28 Tôn được trình bày như sau:



_ Hàng trên từ trái qua phải có 14 Tôn

- 1_ Phi Thiên (𑖀)
- 2_ Phi Thiên (𑖀)
- 3_ Thiên (𑖀)
- 4_ Tiến (𑖀)
- 5_ Nhẫn (𑖀)
- 6_ Giới (𑖀)
- 7_ Đàn (𑖀)
- 8_ Tuệ (𑖀)
- 9_ Phương (𑖀)
- 10_ Nguyện (𑖀)
- 11_ Lực (𑖀)

- 12_ Trí (𑖀)
- 13_ Sứ Giả (𑖂)
- 14_ Sứ Giả (𑖂)
- _ Hàng giữa từ trái qua phải có 3 Tôn
 - 1_ Thiên Thủ (𑖃)
 - 2_ Hư Không Tạng (𑖄)
 - 3_ Kim Cương Tạng (22 mặt, 108 tay) (𑖅)
- _ Hàng dưới từ trái qua phải có 11 Tôn kèm 2 hoa sen
 - 1_ Công Đức Thiên (𑖆)
 - 2_ Bà Tô Đại Tiên (𑖇)
 - 3_ Bát Không Câu Quán Thế Âm (𑖈)
 - 4_ Phần Nộ Câu Quán Thế Âm (𑖉)
 - 5_ Sinh Niệm Xứ Bồ Tát (𑖊)
 - 6_ Cộng Phát Trí Chuyển Luân Bồ Tát (𑖋)
 - 7_ Vô Cấu Thệ Bồ Tát (𑖌)
 - 8_ Tô Bà Hồ (𑖍)
 - 9_ Kim Cương Châm (𑖎)
 - 10_ Tô Tát Địa Già La Bồ Tát (𑖏)
 - 11_ Mạn Đồ La Bồ Tát (𑖐)
 - 12_ Liên (Sen)
 - 13_ Liên (sen)

1_ Hư Không Tạng Bồ Tát (Àkà'sa-garbha, hay Gagana-gaṅja):

Àkà'sa-garbha dịch âm là A Ca Xả Nghiệt Bà. **Gagana-gaṅja** dịch âm là Nga Nga Năng Ngạn Bà. Tức đầy đủ hai kho tàng Phước Trí không có hạn lượng ngang bằng với hư không; ý là rộng lớn vô biên. Lại xưng là Hư Không Dựng Bồ Tát.

Tôn này hay tuôn ra Pháp Bảo vô lượng ban cho khắp điều ước muốn, làm lợi lạc cho chúng sinh. Là Chủ Tôn của Hư Không Tạng Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La

Tôn Hình: Thân màu thịt, đầu đội mào Ngũ Phạt, co cánh tay phải cầm cây kiếm, chung quanh cây kiếm tỏa lửa sáng. Tay trái để bên cạnh eo cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý. Ngồi trên hoa sen báu.

Hiện thân màu thịt biểu thị cho nghĩa Nhân của vạn hữu tức là Quả, Nhân Quả chẳng phải hai.

Đầu đội mào Ngũ Phạt biểu thị cho Quả Đức của Tôn này có đầy đủ vạn Đức.

Tay phải cầm cây kiếm báu biểu thị cho Trí của Nội Chứng mà 5 Ba La Mật Bồ Tát: Tuệ, Phương, Nguyện, Lực, Trí ...do đây sinh ra.

Tay trái cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu. Viên ngọc báu có một múi, ba múi hoặc 5 múi. Viên ngọc có một múi (Nhất Biện Bảo Châu) biểu thị cho Tâm

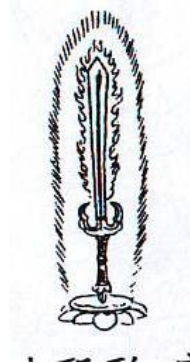
Bồ Đề của một Thật Tướng. Ba múi biểu thị cho 3 Bộ của Thai Tạng Giới: Đại Định, Tuệ, Trí. Viên ngọc báu có 5 múi (Ngũ Biện Bảo Châu) biểu thị cho 5 Trí của Kim Cương Giới, cũng tức biểu thị cho Phước Đức của Nội Chứng, từ đây tuôn ra 5 Ba La Mật Bồ Tát: Đàn, Giới, Nhẫn, Tiến, Thiền... 10 vị Ba La Mật Bồ Tát thuộc Yết Ma y theo hai Nghiêm **Phước Trí** của Hư Không Tạng Bồ Tát mà hiện ra, thành quyển thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.



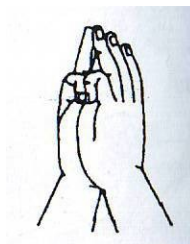
Mật Hiệu là: **Như Ý Kim Cương**

Chữ chủng tử là: I (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu



Tướng Ấn là: Hư Không Ấn.



Chân Ngôn là:

नमः समन्त बुद्धानाम् अकेश समन्तानुगत विजित वी वीर्य सु
द

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ĀKĀ'SA SAMANTA ANUGATA
VICITRĀM-VARA DHARA_SVĀHĀ

2_ Đàn Ba La Mật Bồ Tát (Dāna-pāramitā):

Dāna-pāramitā dịch âm là Đàn Na Ba La Mật Đa. dịch ý là Bố Thí Đáo Bỉ Ngạn.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành tựu thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma, tay trái cầm cái mâm Kim Cương, trên mâm chứa đầy hoa hoặc quả trái. Tay phải dựng lòng bàn tay, co ngón cái, ngón giữa cùng vịn nhau, giao ống chân ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Phổ Thí Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DA (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Quả trái ngon ngọt.



Tượng Ấn là: Đàn Ba La Mật Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो वग दनवपिन वसुसु प्रिय दनं सुद

OM - BHAGAVATE DÀNA-ADHIPATI VISRJA PÙRAYA DÀNAM - SVÀHÀ

3_ Giới Ba La Mật Bồ Tát ('Sila-pàramità):

'Sila-pàramità dịch âm là Thi La Ba La Mật Đa, dịch ý là Giới Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát và thường dùng hương Giới để trang nghiêm nghiệp của Thân Khẩu Ý.

Tu học Pháp Môn của Giới Ba La Mật Bồ Tát ắt hết tẩy tội vi phạm vào 4 Trọng Cấm, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni phạm vào 8 tội nặng đều được trong sạch, ngày sau tùy theo ước nguyện được sinh về cõi Phật thắng diệu trong sạch

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyển thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

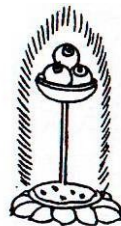
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Dựng lòng bàn tay phải, co cong ngón trỏ và ngón giữa, tay cầm cây gậy ngắn, đầu gậy có viên ngọc báu ba múi toả lửa sáng. Úp lòng bàn tay trái trên đầu gối, mắt hướng về bên phải nhìn xuống dưới. Giao ống chân ngồi trên hoa sen.



Mật Hiệu là: **Thi La Kim Cương**

Chữ chủng tử là: 'Sì (𑖀)

Tam Muội Gia Hình là: Viên Ngọc báu



Tướng Ấn là:Giới Ba La Mật Ấn . hai tay cài chéo các ngón bên trong rồi nắm thành quyền, dựng thẳng hai ngón cái.



Chân Ngôn là:

ॐ ऽ षि ला ध ा रि णि भ ग व ा ते हु म ष ह ष

OM - 'SILA -DHÀRIṆI BHAGAVATE HÙM HAḤ

4_ Nhãn Ba La Mật Bồ Tát (Kṣànti-pàramitā):

Kṣànti-pàramitā dịch âm là Khất Xoa Đế Ba La Mật Đa, dịch ý là Nhãn Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành tựu thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

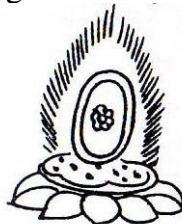
Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải hơi co ngón giữa, ngón vô danh, ngón út, dựng lòng bàn tay hướng về thân. Tay trái cầm cái mâm vàng hướng về trái tim. Ngồi trên hoa sen đỏ.



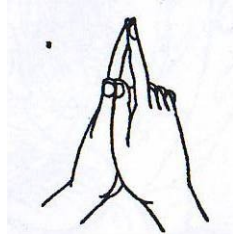
Mật Hiệu là: **Đế Sát Kim Cương**, hoặc **Đế Lợi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: KṢA (ॐ) hay KṢAM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Cái gương báu



Tướng Ấn là: Nhãn Ba La Mật Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

OM - BHAGAVATE KṢĀNTI-DHĀRINĪ HŪM PHAT

5_ Tinh Tiến Ba La Mật Bồ Tát (Virya-pàramità):

Virya-pàramità dịch âm là Vi Lợi Dã Ba La Mật Đa, dịch ý là Tinh Tiến Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay trái cầm cây kích Độc Cổ. Dựng đứng lòng bàn tay phải, co ngón vô danh với ngón út, biểu thị cho Thệ Cú (câu thề nguyện) của dũng mãnh tinh tiến.



Mật Hiệu là: **Tuệ Hộ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VI (॥), hoặc VI (॥)

Tam Muội Gia Hình là: Cây Kích



Tướng Ấn là: Tinh Tiến Ba La Mật Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ न विर्यकरि हूँ न विर्य विर्य न स्वहा

OM - VIRYA-KÀRI HÙM - VIRYE VIRYE - SVÀHÀ

6_ Thiền Ba La Mật Bồ Tát (Dhyàna-pàramità):

Dhyàna-pàramità dịch âm là Địa Dã Tha (Thiền Na) Ba La Mật Đa, dịch ý là Tĩnh Lự Đáo Bỉ Ngạn. Lược xưng là Thiền Ba La Mật, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Pháp Môn của Thiền Na Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay viên mãn Thiền Ba La Mật, thân tâm nhẹ nhàng linh hoạt, hết thủy thần thông đều được thành tựu, các Ma chẳng thể xâm hại, tất cả Nghiệp Chương thủy đều tiêu diệt.

Tôn này được sinh ra từ **Phước Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo Yết Ma, tay kết Pháp Giới Định Ấn, ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



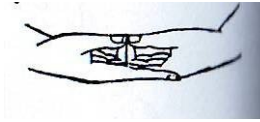
Mật Hiệu là: **Chính Định Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HÙM (ॐ), hoặc DHYÀ (॥)

Tam Muội Gia Hình là: Định Ấn.



Tượng Ấn là: Di Đà Định Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय सर्वपापहारिणीये महादेव्ये -

OM - BHAGAVATE - SARVA PÀPÀHÀRINIYE - MAHÀ DETYE -
HUM HUM HUM HUM - PHAT

7_ Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát (Prajñà-pàramità):

Prajñà-pàramità dịch ý là Tuệ Đáo Bỉ Ngạn. Lại xưng là Tuệ Ba La Mật Bồ Tát, là một trong 10 bị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu trì Pháp Môn của Bát Nhã Ba La Mật Bồ Tát sẽ hay chứng được TRÍ Tuệ viên mãn của Bát Nhã Ba La Mật mà ngộ giải Pháp của Thế Gian với Xuất Thế Gian. Rộng lớn thông đạt 5 Minh của Bồ Tát là: Thanh Minh, Nhân Minh, Y Phương Minh, Công Xảo Minh, Nội Minh.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, tay phải để cạnh eo cầm cây kiếm. Tay trái dựng lòng bàn tay, co ngón trở ngón giữa và duỗi giương 3 ngón còn lại. Hơi dựng đầu gối phải, khoác áo cà sa.



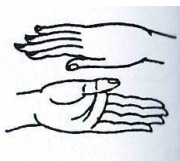
Mật Hiệu là: **Đại Tuệ Kim Cương**

Chữ chủng tử là: DHÌ (ॠ), hoặc PRA (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm báu



Tượng Ấn là: Phạn Khiếp Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः श्रीं श्रीं (श्रुता विजये) स्वहा

OM - DHÌH 'SRÌ 'SRÛTA VIJAYE - SVÀHÀ

8_ Phương Tiệm Ba La Mật Bồ Tát (Upàyà-pàramità):

Upàyà-pàramità dịch ý là Phương Tiệm Đáo Bỉ Ngạn, là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Pháp Môn của Phương Tiệm Ba La Mật Bồ Tát có thể tiêu trừ Nghiệp chất chồng trong vô lượng kiếp để đắc được phương tiệm khéo léo của sự Hồi Hưởng, phương tiệm khéo léo cứu tế chúng sinh.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyển thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

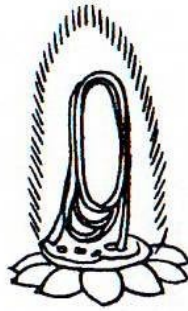
Tôn Hình: Thân màu thịt, co khuỷu tay phải cầm sợi dây. ngửa bàn tay trái để trước ngực nhận đầu sợi dây. Ngồi trên toà hoa sen đỏ.



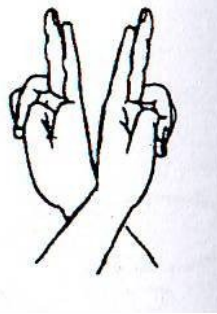
Mật Hiệu là: **Cứu Cánh Kim Cương**, hoặc **Cứu Cánh Thiệm Xảo Kim Cương**

Chữ chủng tử là: MAI (𑖣)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây



Tượng Ấn là: Phương Tiện Ba La Mật Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ म्हा मय्त्रे चित्ते स्वहा

OM - MAHÀ MAITRA CITTE - SVÀHÀ

9 _ **Nguyện Ba La Mật Bồ Tát** (Pranidhàna-pàramità):

Pranidhàna-pàramità dịch âm là Ba La Ni Na Ba La Mật Đa, dịch ý là Thệ Nguyện Đáo Bỉ Ngạn. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Bồ Tát này dùng nhóm 5 Đại Nguyện làm Nội Chứng, dùng sự hoá độ chúng sinh làm Bản Thệ.

Tu trì Pháp Môn của Nguyện Ba La Mật Bồ Tát có thể tiêu trừ Nghiệp chất chồng trong vô lượng kiếp, được hai loại Thắng Nguyện: một là **Cầu Vô Thượng Bồ Đề Nguyện**, hai là **Lợi Lạc Hữu Tình Nguyện**, viên mãn Nguyện Ba La Mật. Trong khoảng từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, mọi mong cầu thuộc Thượng Nguyện thù thắng của Thế Gian với Xuất Thế Gian đều được viên mãn.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu vàng trắng, khoác áo Yết Ma. Dựng lòng bàn tay phải hướng cạnh tay ra ngoài, co ngón vô danh với ngón út. Dựng đứng lòng bàn tay trái, hơi ngửa hướng lên trên, co ngón trỏ ngón giữa cầm **Lộc Thủy Nang** (Parisravana: Cái túi lọc nước khử trùng), Ngồi bán Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Thành Tựu Kim Cương**

Chữ chủng tử là: SA (𑖰), hoặc SAM (𑖰) có ý là thành tựu, viên mãn. Biểu thị cho sự viên mãn tất cả chúng sinh thành tựu Thệ Nguyện

Tam Muội Gia Hình là: Thủy Nang (Parisravana: Cái túi lọc nước khử trùng)



Tướng Ấn là: Thí Vô Úy Ấn.



Chân Ngôn là:

𑖰 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠

OM - KÀRUṆI - HA HA HA - SAM

Hay 𑖰 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠

OM - KÀRUṆI KÀRUṆI - HA HA HA - SAM

10 _ Lục Ba La Mật Bồ Tát (Bala-pàramità):

Bala-pàramità dịch âm là Phộc La Ba La Mật Đa, tức là ý có đủ sức mạnh đến được bờ bên kia. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tu học Chân Ngôn của Bồ Tát này sẽ tiêu trừ nghiệp chông chất của tâm ý kém cỏi, đắc được sức tinh tiến lựa chọn quyết định và sức tu tập, điều phục tất cả phiền não, đoạn trừ tất cả **Hoặc Nghiệp**, lúc tu Đạo thời được quyết định Thắng

11_ Trí Ba La Mật Bồ Tát (Jhàna-pàramità):

Jhàna-pàramità dịch âm là Nhạ Nương Nặng Ba La Mật Đa. Là một trong 10 vị Ba La Mật Bồ Tát.

Tôn này được sinh ra từ **Trí Đức trang nghiêm** của Hư Không Tạng Bồ Tát, và thành quyến thuộc của Bát Nhã Bồ Tát.

Tôn Hình: Thân màu thịt, khoác áo Yết Ma. Tay phải dựng lòng bàn tay cầm rương Kinh Phạn với một bộ phận của rương Kinh thông xuống dưới. Ngửa lòng bàn tay trái để trước rốn, co ngón vô danh ngón út. Ngồi trên hoa sen trắng.



Mật Hiệu là: **Viên Mãn Kim Cương**

Chữ chủng tử là: JĀA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn



Tượng Ấn là: Trí Ba La Mật Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ न ममा ज्ञाना करि हुम - स्वहा

OM - MAMA JĀANA-KĀRI HÙM - SVĀHĀ

12_ Cộng Phát Ý Chuyển Luân Bồ Tát (Saha-cittotpàda-dharma-cakra):

Saha-cittotpàda-dharma-cakra dịch âm là Sa Ha Chất Đô Đát Bả Đà Đạt Ma Chước Yết La. Lại xưng là Cộng Phát Tâm Pháp Chuyển Bồ Tát, đồng với Tôn Tài Phát Tâm Chuyển Pháp Luân Bồ Tát trong Kinh **Bát Nhã Lý Thú**

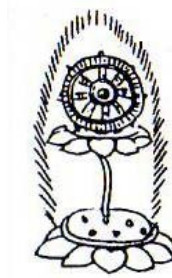
Tôn Hình: Thân màu thịt. Dựng đứng lòng bàn tay phải cầm giữ hoa sen, trên sen có bánh xe. Ngửa lòng bàn tay trái lên trên, để một cái chày Độc Cổ trên lòng bàn tay. Hương về bên trái, ánh mắt nhìn xuống bên dưới, ngồi trên hoa sen đỏ



Mật Hiệu là: **Pháp Luân Kim Cương**

Chữ chủng tử là: CA (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe vàng trên hoa sen



Tượng Ấn là: Chuyển Pháp Luân Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ सहास्यस्य बुद्धानाम् रित्कचक्रवर्तिस्वहा

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ RIT_ CAKRA VARTTI_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ DHIRAM_ PADMA-ALAYA_ SVĀHĀ

16_ Thiên Thủ Quán Âm (Sahasra-bhūja-àrya-avalokite'svara):

Sahasra-bhūja-àrya-avalokite'svara dịch là Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại.

Tu trì Pháp Môn của Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại có thể thành tựu 4 Pháp: Tức Tai, Tăng Ích, Giáng Phục, Kính Ái Câu Triệu

Tôn này biểu thị cho Đức **Pháp Tài**

Tôn Hình: Thân có 27 đầu mặt, một ngàn cánh tay trong đó có 40 tay cầm khí trượng. Ngồi trên hoa sen báu.

27 đầu mặt xếp thành 5 tầng, biểu thị cho 9 cõi hiển Phật Giới, tức hiển thị cho 10 Giới Thể, trong đó :

25 mặt biểu thị cho 25 Hữu là 6 nẻo luân hồi sinh tử, gồm có

4 nẻo ác là Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Tu La (A Tu La).

4 châu là : Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lôu Châu.

6 trời Dục giới là: Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, Diêm Ma Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên

4 trời Sắc Giới là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên .

3 trời : Vô Tưởng Thiên, Tinh Cư Thiên, A Na Hàm Thiên.

4 trời Vô Sắc Giới : Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ .

Mặt thứ 26 biểu thị cho Quả Nhị Thừa .

Bồ Tát Đương Tôn không có mặt riêng.

Mặt thứ 27 là mặt Phật ở trên đỉnh đầu biểu thị cho Pháp Giới .

40 tay (tức 40 pháp) biểu thị cho 5 Trí Tuệ của Như Lai nhằm minh họa cho vạn đức cứu cánh . Trong đó:

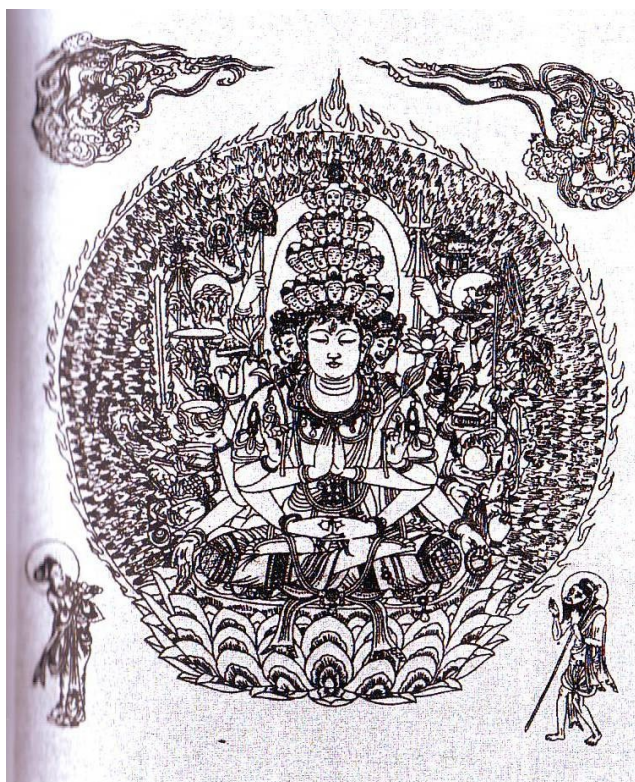
1.Như Lai Bộ (Tathàgata kulàya): biểu thị cho Pháp Giới Thể Tính Trí (Dharma dhātu prakṛti jñāna) là cái Trí thâm nhập khắp nơi của Pháp Giới, 8 tay thuộc Bộ này là : Hóa Phật, Dây Lụa, Thí Vô Úy, Phát Trần Trắng, Bàn Bài, Việt Phủ, Kịch Báu, Dương Liễu minh họa cho pháp **Tức Tai** ('Sàntika) là pháp tiêu trừ các loại bệnh nạn, việç ác của thân mình hoặc người khác.

2. Kim Cương Bộ (Vajra kulàya): biểu thị cho Đại Viên Kính Trí (Adar'sa Jñāna) là cái Trí phản chiếu mọi sự vật mà không dính mắc vào sự vật nào, cũng không bị sự vật ấy động chạm hay lay động được. Có 8 tay thuộc Bộ này là Bạt Chiết La (Tam Cổ Kim Cương), Chày Kim Cương (Độc Cổ Kim Cương) Kiếm báu, Cung điện, Bánh xe vàng (Kim Luân), Bát báu, Nhật Tinh Ma Ni, Nguyệt Tinh Ma Ni minh họa cho pháp **Điều Phục** (Abhicàruka) là pháp tu chiết phục các nhóm ác hoặc điều phục các người ác.

3. Bảo Bộ (Ratna Kulàya): biểu thị cho Bình Đẳng Tính Trí Trí (Samanta jñàna) là cái trí phô bày tâm thức Từ Bi Bình Đẳng. Tám tay thuộc Bộ này là: Ngọc Như Ý, Kinh Báu, cây Cung Báu, Hoa Sen Trắng, Hoa Sen xanh, Chuông báu, Hoa Sen tím, Chùm Bồ Đào minh họa cho pháp **Tăng Ích** (Puṣṭika) là pháp tu tăng ích về Trí Huệ, phước đức, thọ mệnh cho mình và người khác .

4. Liên Hoa Bộ (Padma kulàya): biểu thị cho Diệu Quán Sát Trí (Pratyavekṣana jñàna) là sự quán tưởng của Trí xem xét mọi tướng chung, tướng riêng của các pháp mà không hề bị ngăn ngại . Tám tay thuộc Bộ này là : Hợp Chuông, Gương báu, Ấn báu, Vòng ngọc, Hồ Bình, Quân Trì Bình, Hoa Sen hồng , Tích Trượng minh họa cho pháp **Kính Ái** (Va'sikaraṇa) là pháp tu cho mình và người khác được Chư Phật, Bồ Tát gia hộ hoặc muốn được Quân Vương và mọi người yêu thương giúp đỡ .

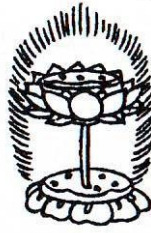
5. Yết Ma Bộ (Karma kulàya): biểu thị cho Thành Sở Tác Trí (Kṛtya muṣṭhàna jñàna) là cái trí khéo léo thi hành mọi việc của thế gian chuyển chúng thành phước thiện giải thoát . Tám tay thuộc Bộ này là : Thiết Câu, Đỉnh Thượng Hóa Phật, Tràng Hạt, Hoa Báu, mũi Tên Báu, Rương báu, Độc Lâu, Mây Ngũ Sắc minh họa cho pháp **Câu Triệu** (Àkarṣaṇi) là pháp triệu thỉnh Bản Tôn, chư Thần. Thông thường thì pháp này thường được nhiếp trong Kính Ái .



Mật Hiệu là: **Đại Bi Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HRÌH (ॡः)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen nở rộ.



Tượng Ấn là: **Cửu Phong Bát Hải Ấn**. Hai tay tác Kim Cương Hợp Chưởng, hơi cong lưng bàn tay cách xa nhau, hai ngón giữa cùng hợp với nhau, chia mở dựng thẳng hai ngón cái và hai ngón út



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रधर्म ॡः

OM VAJRA-DHARMA HRÌH

17_ Bà Tô Đại Tiên (Vasu-rṣi):

Vasu-rṣi lại gọi là Bà Tự Tra, Phộc Tư Tiên, Bà Tư Tiên, Bà Tô Tiên Nhân. Gọi lược là Bà Tư, Bà Tra. tức là vị Tiên trong thời đại Phệ Đà của Ấn Độ. Tôn này cũng là một trong 7 vị Đại Tiên, một trong 10 vị Đại Tiên, một trong 28 Bộ Chúng.

Trong Mật Giáo thì Tôn này là một vị theo hầu Đức Thiên Thủ Quán Âm và là một trong 28 Bộ Chúng của Quán Âm.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hình Tiên Nhân tu khổ hạnh. Nâng bàn tay phải tựa thế búng ngón tay. Tay trái cầm cây gậy Tiên. Đứng thẳng ở bên trái, phía trước Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát

_ Sau này Thiên Nữ cùng với chư Thần của hàng Đế Thích (Indra), Ma Hê Thủ La (Mahe'svara) Tỳ Thấp Nô (Viṣṇu)... du nhập vào Phật Giáo và trở thành hàng Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo.

Truyền thuyết của Phật Giáo Ấn Độ lại ghi nhận Thiên Nữ có cha tên là Đức Xoa Ca Long Vương , mẹ là Quỷ Tử Mẫu Thần, chồng là Tỳ Sa Môn Thiên Vương

Theo Phật Giáo Trung Hoa , Công Đức Bản Khởi Kinh ghi là : Thiên Nữ có cha tên là Luân Đầu Đàn Vương, mẹ là Pháp Giới Ma Gia

Tế Dư Bản Đỉnh Kinh ghi là : Thiên Nữ có cha tên là Đỉnh Đa Môn Thiên Vương, mẹ là Âm Cự Đại Nữ

Đồng thời hầu hết Kinh Bản đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên Vương và xác nhận Thiên Nữ là vị Bồ Tát Bát Địa , vì Đại Nguyên Lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Theo truyền thống Mật Giáo thì Cát Tường Thiên Nữ còn có người em gái tên là Hắc Nhĩ (Kṛṣṇa-karṇa). Hai chị em cùng đi chung với nhau chẳng rời. Chị tên Cát Tường , đi đến đâu đều đem lợi ích đến đó. Em tên Hắc Nhĩ , do có lỗ tai màu đen mà có tên, xưa dịch là Hắc ám, đi đến đâu đều gây nên sự tổn hoại. Do đó hai chị em (Công Đức Thiên, Hắc Âm Nữ) biểu thị cho nghĩa **Phước Họa Tương Tùy**. Vì thế lúc tu Pháp của Cát Tường Thiên Nữ thì nên niệm tụng Chân Ngôn của Đại Tuỳ Cầu Bồ Tát để khử trừ tai hoạ do Hắc Âm Thiên Nữ gây ra

Trong Hư Không Tạng Viện thì Cát Tường Thiên Nữ là một vị theo hầu Đức Thiên Thủ Quán Âm và biểu thị cho việc đắc được Phước Đức, đầy đủ không thiếu sót công đức của mọi điều lành.

Tôn Hình: Thân màu thịt, hiện hình Thiên Nữ, tay cầm nhiều hoa. Đứng thẳng ở bên phải, phía trước Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát



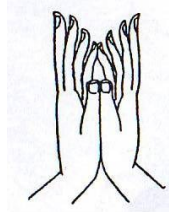
Mật Hiệu là:**Hộ Pháp Kim Cương**

Chữ chủng tử là: 'SRĪ (ॡ)

Tam Muội Gia Hình là: hoa tràn đầy, hay viên ngọc báu



Tượng Ấn là: Bát Diệp Ấn (Cát Tường Thiên Nữ Ấn)



Chân Ngôn là:

ॐ म मह श्रीये स्वहा

OM _ MAHÀ- 'SRÌYE _ SVÀHÀ

Hay ॐ म मह श्रीये स्वहा

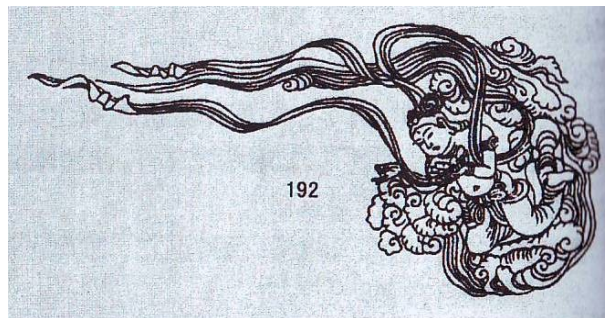
OM _ MAHÀ 'SRÌYAYE SVÀHÀ

19_ Phi Thiên (Devatà):

Phi Thiên là Thiên Nhân bay trong hư không đem nhóm hương, hoa, ca, vũ cúng dường chư Phật Bồ Tát.

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, rải hoa cúng dường

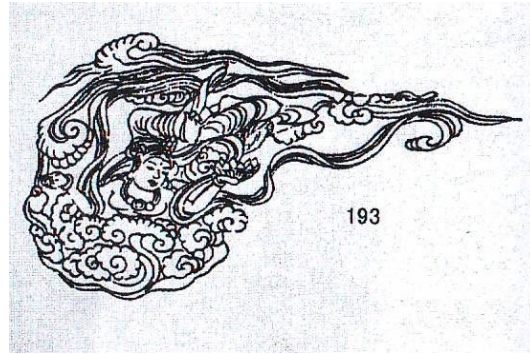


Chữ chủng tử là: RO (ꣳ)

20_ Phi Thiên (Devatà)

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, rải hoa cúng dường



Chữ chủng tử là: RO (𑖀)

21_ Vô Cấu Thệ Bồ Tát (Vimala-gata):

Vimala-gata dịch âm là Vĩ Ma La Nga Đề. Lại xưng là Hư Không Vô Cấu Bồ Tát (Àkà'sa-vimala, hay Gagana-vimala).

Tôn này biểu thị cho Đức **không nhiễm dơ** của Hư Không Tạng Bồ Tát

Tôn Hình: Tay phải tác Thí Nguyên Ấn. Tay trái co ngón trỏ, ngón giữa cầm sợi dây hoa sen. Ngồi trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Minh Triệt Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HÀM (𑖇), hay HAM (𑖇)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây hoa sen



Tướng Ấn là: Hai tay kết Đạo Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं समन्त बुद्धानाम् ह्रीं गगना-अनन्ता

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HĀM_ GAGANA-ANANTA
GOCARA _ SVĀHĀ

22_ Tô Bà Hồ Bồ Tát (Subàhuḥ):

Subàhuḥ dịch âm là Tô Bà Hồ, Tô Ba Hồ. Dịch ý là Diệu Tỷ.

Tôn này biểu thị cho Đức **cát tường** của Hư Không Tạng Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu thít. Hương lòng bàn tay phải ra ngoài rồi ngửa lên như
Thí Vô Uý Ấn. Dựng lòng bàn tay trái cầm hoa sen xanh, trên sen có sợi dây hoa
sen xanh chưa hé nở. Dựng đầu gối trái, ngồi trên hoa sen.



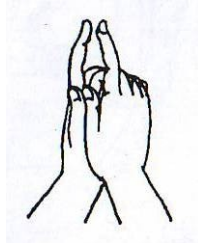
Mật Hiệu là: **Tất Địa Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HÙM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây hoa sen xanh trên hoa sen. Hoặc chày Độc
Cổ trên hoa sen.



Tượng Ấn là: Thanh Liên Hoa Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ म् समं व हं नं हं नं बुद्धं व नं व नं व

NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM_ HŪM_ _ JÑĀNA-UDBHAVA _
SVĀHĀ

23_ Kim Cương Châm Bồ Tát (Vajra-sùci):

Vajra-sùci dịch âm là Phộc Nhật La Tô Chỉ. Lại xưng là Đại Lực Kim Cương Châm Bồ Tát.

Cây Kim (Sùci) có nghĩa là Trí sắc bén. Do Tôn này hay dùng Trí sắc bén của Kim Cương, quán đạt tất cả các Pháp cho nên có tên gọi là Kim Cương Châm.

Tôn Hình: Thân màu thịt. Dựng lòng bàn tay trái co ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh để cầm hoa sen, trên sen có chày Độc Cổ dựng đứng. Ngửa lòng bàn tay phải, hướng đầu ngón tay về bên phải, hơi co ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh. Ngồi trên hoa sen trắng.



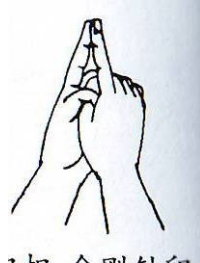
Mật Hiệu là: **Tinh Tiến Kim Cương**

Chữ chủng tử là: VA (ॠ), hay HŪM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ trên hoa sen



Tượng Ấn là: Kim Cương Châm Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्तवज्रानाम् सर्वधर्मानिर्वेदहानि
NAMAḤ SAMANTA VAJRAṆĀM_ SARVA DHARMA NIRVEDHANI
VAJRA-SŪCI VARADE_ SVĀHĀ

24_ Tô Tất Địa Già La Bồ Tát (Susiddhi-kara):

Susiddhi-kara dịch ý là Diệu Thành Tựu Nghiệp Giả. Lại dịch là Tô Tất Địa Yết La Bồ Tát.

Tôn này biểu thị cho Đức của **Vạn Pháp Diệu Thành Tựu** hay thành tựu tất cả Tác Nghiệp thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, cho nên xưng là Diệu Thành Tựu

Tôn Hình: Thân màu trắng vàng. Hai tay tác Hư Tâm Hợp Chưởng, hương đầu ngón tay xuống dưới để trước ngực. Ngồi Kiết Già trên hoa sen đỏ.



Mật Hiệu là: **Thành Tựu Kim Cương**



Mật Hiệu là: **Đại Luân Kim Cương**
Chữ chủng tử là: HÙM (ह्रं), hay MAM (मं)
Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe.



Tượng Ấn là: Tiểu Kim Luân Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं वज्रकक्रं

OM VAJRA-CAKRA _ CAKRA -HÙM _ JAH HÙM VAM HOH

26_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Aṣṭottara-‘sata-bhùja-vajra-dharaḥ)

Aṣṭottara-‘sata-bhùja-vajra-dharaḥ dịch âm là A Sắt Tra Đa La Xả Đa Bộ Nhạ Phộc Nhật La Đà Lạc. Dịch ý là Nhất Bách linh Bát Tỷ Kim Cương Trì, tức là Kim Cương Tạng Vương Bồ Tát. Lược xưng là Kim Cương Tạng.

Tôn này đại biểu cho **Trí Đức** của Hư Không Tạng Bồ Tát

Tôn Hình: Thân màu đen xanh có 22 mặt, trong đó có một mặt là Phật. Có 108 cánh tay biểu thị cho sự đối trị với 108 loại phiền não. Tay cầm 108 loại vũ khí phá trừ phiền não như chày Độc Cổ, bánh xe, sợi dây, cây kiếm, móc câu, rương Kinh Phạn, cây gậy, cây gậy hình hoa.... Ngồi trong hoa sen báu.



Mật Hiệu là: **Bí Mật Kim Cương**

Chữ chủng tử là: HUM (ॐ), hay HÙM (ॐ)

Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen trên miệng bình. Hoặc chày Ngũ Cổ.



Tướng Ấn là: Kim Cương La Xà Nhất Thiết Kiến Pháp Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र उद्भवया स्वहा

OM _ VAJRA-UDBHÀVAYA _ SVÀHÀ

27_ Phi Thiên Sứ Giả (Devatà):

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Đường Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dường

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, một tay cầm hoa, một tay rải hoa cúng dường

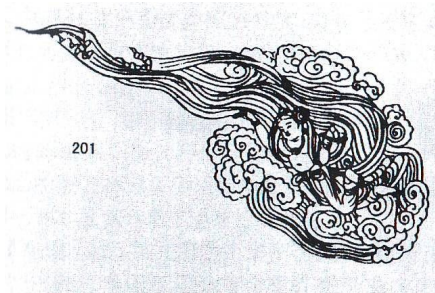


Chữ chủng tử là: A (𑖀), hay RO (𑖩)

28_ Phi Thiên Sứ Giả (Devatà):

Tôn này là một trong hai vị **Hoa Cúng Dưỡng Nữ Sứ** biểu thị cho nghĩa của biển mây cúng dưỡng

Tôn Hình: Hình Thiên Nữ bay trên hư không, một tay cầm hoa, một tay rải hoa cúng dưỡng



Chữ chủng tử là: A (𑖀) hay RO (𑖩)

Viện này biểu thị cho sự hợp nhất của Bi Trí , bao chứa vạn Đức, hay tùy theo nguyện của chúng sinh ban cho tất cả báu, kể cả cho đủ Trí Đức, tuy nhiên vẫn dùng Phước Đức làm căn bản.

Viện này còn biểu thị cho **Ly Cấu Địa** (Vimalà-bhùmi). Bồ Tát tại Địa này tu tập viên mãn Giới Ba La Mật ('Sila-paramitā) và hoàn toàn vô nhiễm đối với Giới Hạnh.

10/07/2009

